

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 38

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9,479,790,103,881	10,701,198,692,583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.	989,670,465,110	1,742,001,985,979
1. Tiền	111	5.1	178,444,606,445	352,432,027,280
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.2	811,225,858,665	1,389,569,958,699
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		825,091,488,500	783,261,888,333
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.2	789,486,533,503	772,336,660,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	6.2	(86,282,645,003)	(90,888,205,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	121,887,600,000	101,813,433,333
III. Các khoản phải thu	130		4,776,486,366,075	3,427,596,302,280
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.1	4,370,202,526,389	3,222,932,367,833
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7.2	243,621,800,113	147,692,277,246
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8.	166,640,966,699	60,949,450,327
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		(3,978,927,126)	(3,977,793,126)
IV. Hàng tồn kho	140	9.	2,681,179,498,904	4,436,217,717,740
1. Hàng tồn kho	141		2,816,581,759,032	4,571,619,977,868
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(135,402,260,128)	(135,402,260,128)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		207,362,285,292	312,120,798,251
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	10.	13,226,558,185	18,775,951,616
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	19.	192,619,309,837	292,091,116,531
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	19.	1,516,417,270	1,253,730,104

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		551,189,813,246	555,654,040,276
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10,089,546,101	14,571,452,668
1. Phải thu dài hạn khác	215	8.	10,089,546,101	14,571,452,668
II. Tài sản cố định	220		105,115,851,317	126,862,978,181
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11.	34,901,891,048	55,884,251,058
<i>Nguyên giá</i>	222		98,168,458,899	117,611,291,490
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(63,266,567,851)	(61,727,040,432)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12.	70,213,960,269	70,978,727,123
<i>Nguyên giá</i>	228		89,545,038,873	89,116,661,428
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(19,331,078,604)	(18,137,934,305)
III. Bất động sản đầu tư	240	13.	19,676,514,000	-
<i>Nguyên giá</i>	241		20,785,050,000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	242		(1,108,536,000)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250		103,752,153	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		103,752,153	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260		36,027,173,683	36,824,013,410
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	15.1	13,213,412,600	14,010,252,327
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	15.2	40,233,974,607	40,233,974,607
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264	15.2	(17,420,213,524)	(17,420,213,524)
VI. Tài sản dài hạn khác	270		380,176,975,992	377,395,596,017
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	10.	16,567,180,938	18,108,353,803
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	28.3	143,859,245,121	131,780,641,355
3. Tài sản dài hạn khác	274		9,248,006,055	9,248,006,055
4. Lợi thế thương mại	279	14.	210,502,543,878	218,258,594,804
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		10,030,979,917,127	11,256,852,732,859

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6,356,626,666,145	7,784,383,018,764
I. Nợ ngắn hạn	310		6,353,536,666,145	7,779,849,389,337
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16.1	2,549,607,493,677	3,524,411,186,202
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16.2	419,629,553,478	277,839,588,783
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	19.	65,965,148,410	41,915,165,019
4. Phải trả người lao động	315		19,525,182,838	40,740,418,105
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	17.	497,909,677,621	432,116,215,957
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	18.	10,938,079,461	563,655,780,790
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	20.	2,789,961,530,660	2,899,171,034,481
II. Nợ dài hạn	330		3,090,000,000	4,533,629,427
1. Phải trả dài hạn khác	338	18.	3,090,000,000	4,533,629,427
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21.1	3,674,353,250,982	3,472,469,714,095
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2,213,201,690,000	2,213,201,690,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,213,201,690,000	2,213,201,690,000
2. Thặng dư vốn	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,364,454,018,124	1,163,969,413,742
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		1,164,236,708,785	616,090,589,658
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		200,217,309,339	547,878,824,084
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		41,336,718,608	39,937,786,103
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10,030,979,917,127	11,256,852,732,859

Trần Quế Tâm

Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2026



Đặng Kiện Phương
Đặng Kiện Phương
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

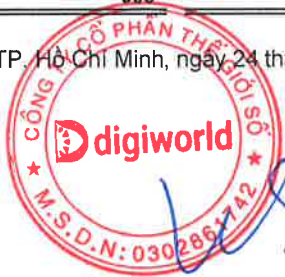
B02-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

			Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 1	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22.1	8,613,230,691,036	5,574,849,606,573
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22.1	(113,048,216,191)	(55,532,905,210)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22.1	8,500,182,474,845	5,519,316,701,363
4. Giá vốn hàng bán	11	23.	(7,696,772,601,834)	(5,038,591,228,140)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		803,409,873,011	480,725,473,223
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	22.2	73,880,719,533	51,315,006,435
7. Chi phí tài chính	23	24.	(83,077,298,153)	(104,322,331,032)
Trong đó: chi phí lãi vay	24		(49,909,623,855)	(27,424,302,462)
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	21.2		(796,839,727)	85,657,319
9. Chi phí bán hàng	25	25.	(493,568,022,163)	(236,797,923,707)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.	(53,857,199,144)	(55,341,692,076)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		245,991,233,357	135,664,190,162
12. Thu nhập khác	31	26.	12,549,771,579	3,257,557,723
13. Chi phí khác	32	26.	(1,799,424,368)	(1,815,705,726)
14. Lợi nhuận khác	40	26.	10,750,347,211	1,441,851,997
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		256,741,580,568	137,106,042,159
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28.1	(66,936,647,447)	2,284,128,766
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28.1	12,078,603,766	(33,000,291,901)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		201,883,536,887	106,389,879,024
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		200,217,309,339	105,923,271,254
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1,666,227,548	466,607,770
21. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	70		905	482

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2026




Trần Quốc Tâm
Người lập biểu


Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng


Đặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 1	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		256,741,580,568	137,106,042,159
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	02		11,597,258,644	8,653,606,469
- Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	03		(4,604,425,997)	(43,244,379,453)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21,777,539,143)	(18,798,611,441)
- Chi phí lãi vay	06		49,909,623,855	27,424,302,462
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		291,866,497,927	111,140,960,196
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1,243,071,675,050)	167,540,503,901
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,755,038,218,836	313,197,320,058
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1,344,655,475,526)	(912,395,622,654)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		7,090,566,296	8,986,102,560
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(17,149,873,503)	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(45,580,047,635)	(27,074,509,823)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(45,157,596,939)	(46,464,467,417)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(641,619,385,594)	(385,069,713,179)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,874,347,007)	(125,573,095)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36,074,166,667)	(23,772,903,667)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7,025,833,333	8,500,000,000
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(32,800,000,000)
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	90,254,837,165
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.	27		29,420,048,887	18,712,954,122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,502,631,454)	60,769,314,525

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT - tiếp theo
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 1	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		4,256,568,796,481	3,378,565,424,989
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4,365,778,300,302)	(3,166,292,778,186)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(109,209,503,821)	212,272,646,803
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(752,331,520,869)	(112,027,751,851)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1,742,001,985,979	1,406,664,056,957
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	989,670,465,110	1,294,636,305,106

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2026



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám Đốc

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT") cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 769 (ngày 31 tháng 03 năm 2025: 804).

Cơ cấu tổ chức:

Các đơn vị trực thuộc - hoạt động theo ủy quyền của Công ty bao gồm:

(1) Chi nhánh Công ty Cổ phần Thế Giới số	0302861742-001	Hạch toán phụ thuộc
(2) Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thế Giới Số tại Đà Nẵng	0302861742-002	Hạch toán phụ thuộc
(3) Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thế Giới Số - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	0302861742-003	Hạch toán phụ thuộc
(4) Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu – Công ty Cổ Phần Thế Giới Số.	0302861742-004	Hạch toán phụ thuộc

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026, Nhóm Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết gián tiếp như sau:

Công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Lợi ích biểu quyết	Quyền biểu quyết	Lợi ích biểu quyết	Quyền biểu quyết
			%	%	%	%
Công ty con trực tiếp						
(1) Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	100	100	-	-
(2) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X")	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	90	90	90	90
Công ty con gián tiếp						
(1) Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology ("1 Digital")	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử	100	100	100	100
(2) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L ("C.L")	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	99,811	99,811	99,15	99,15
(3) Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina ("Bellvina")	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	76,99	76,99	76,99	76,99
(4) Công ty TNHH Một Thành Viên Dpharma ("Dpharma")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối dược phẩm	100	100	100	100
(5) Công ty Cổ phần Achison ("Achison")	Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn và mua bán giải pháp bảo hộ lao động	76,99	76,99	75	75
(6) Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	90	90	90	90

Công ty liên kết gián tiếp

(1) Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín ("Đại Tín")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối dược phẩm	36,00	36,00	36,00	36,00
---	-----------------------	---------------------	-------	-------	-------	-------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.6 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kê toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là bất động sản (bao gồm quyền sử dụng đất, nhà hoặc một phần của nhà, hoặc cả nhà và đất) nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, hoặc cả hai, mà không phải để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường hoặc để bán trong kỳ kinh doanh thông thường của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư (tiếp theo)*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá bao gồm giá mua, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng theo mục đích dự kiến.

Sau ghi nhận ban đầu, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế (đối với tài sản có thời gian sử dụng xác định) và dự phòng tổn thất (nếu có).

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được vốn hóa khi chắc chắn làm gia tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản so với mức hoạt động ban đầu; các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Trong kỳ, Công ty thực hiện chuyển một tài sản cố định hữu hình sang bất động sản đầu tư do thay đổi mục đích sử dụng, cụ thể là nắm giữ tài sản nhằm chờ tăng giá và/hoặc cho thuê.

Tại thời điểm chuyển đổi, tài sản có nguyên giá là 20.785.050.000 VNĐ, hao mòn lũy kế là 1.108.536.000 VNĐ, giá trị còn lại là 19.676.514.000 VNĐ.

Việc chuyển đổi được thực hiện trên cơ sở giá trị còn lại của tài sản tại ngày chuyển đổi. Sau khi chuyển đổi, tài sản được phân loại và hạch toán là bất động sản đầu tư và được kế toán theo chính sách áp dụng đối với bất động sản đầu tư của Công ty.

3.8 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 *Chi phí chờ phân bổ*

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình/ tỷ giá xấp xỉ vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình/ tỷ giá xấp xỉ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình/ tỷ giá xấp xỉ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.21 *Báo cáo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 *Tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Nexta Capital.*

Vào 19 tháng 03 năm 2026, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 508.000.000.000 VNĐ. Vào ngày 13 tháng 04 năm 2026, Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 3 do Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ của Nexta lên 508.000.000.000 VNĐ.

4.2 *Tăng sở hữu trong công ty con hiện hữu - công ty cổ phần dịch vụ phát triển thị trường C.L*

Vào ngày 20 tháng 03 năm 2026, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc tăng thêm 0,661% sở hữu vào Công ty Cổ phần dịch vụ phát triển thị trường C.L, tăng phần sở hữu từ 99,15% thành 99,811% vào ngày này. Chênh lệch giữa tỷ lệ tăng thêm ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Vào ngày 08 tháng 04 năm 2026, Công ty cổ phần dịch vụ phát triển thị trường C.L ("C.L") đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 23 do Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ của C.L lên 106.000.000.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Tiền mặt	265,406,888	391,146,663
Tiền gửi không kỳ hạn	178,179,199,557	352,040,880,617
Các khoản tương đương tiền (*)	811,225,858,665	1,389,569,958,699
TỔNG CỘNG	989,670,465,110	1,742,001,985,979

5.1 Tiền gửi không kỳ hạn

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Giá trị tiền gửi không kỳ hạn tại các Ngân hàng giao dịch, chi tiết sau:

	<i># Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam)	58,846,836,555	33,404,663,850
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	31,787,826,891	54,944,796,409
Ngân hàng TMCP Quân đội	19,828,135,938	18,022,206,441
Khác	67,716,400,173	245,669,213,917
TỔNG CỘNG	178,179,199,557	352,040,880,617

5.2 Các khoản tương đương tiền (*)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026, các khoản tương đương tiền bao gồm:

+ Các khoản tiền gửi tiết kiệm trị giá 28.800.000.000VNĐ tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá ba (03) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng; và

+ Các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp trị giá 782.425.858.665 VNĐ. Chi tiết như sau:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Công ty cổ phần In Và Bao Bì Goldsun	701,467,418,505	
Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	80,958,440,160	110,025,438,930
Khác	-	1,264,037,404,480
TỔNG CỘNG	782,425,858,665	1,374,062,843,410

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	121,887,600,000	101,813,433,333
Chứng khoán kinh doanh	789,486,533,503	772,336,660,000
TỔNG CỘNG	911,374,133,503	874,150,093,333
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(86,282,645,003)	(90,888,205,000)
GIÁ TRỊ THUẦN	825,091,488,500	783,261,888,333

6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm:

		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Chi tiết các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngắn hạn:		
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	19,600,000,000	5,500,000,000
Khác	7,355,000,000	10,355,000,000
+ Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Việt Money	94,932,600,000	85,958,433,333
TỔNG CỘNG	121,887,600,000	101,813,433,333

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-DN/HN

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Chứng khoán kinh doanh

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 thể hiện giá trị gốc của khoản đầu tư cổ phiếu vào các công ty niêm yết với mục đích kinh doanh như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
1. Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	312,573,566,441	244,712,770,000	(67,860,796,441)	286,012,710,000	233,830,000,000	(52,182,710,000)
2. Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	199,280,744,507	193,680,000,000	(5,600,744,507)	227,249,880,000	215,160,000,000	(12,089,880,000)
3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	134,884,565,342	120,951,000,000	(13,933,565,342)	77,528,990,000	70,765,500,000	(6,763,490,000)
4. Khác	142,747,657,213	143,860,118,500	1,112,461,287	181,545,080,000	161,692,955,000	(19,852,125,000)
TỔNG CỘNG	789,486,533,503	703,203,888,500	(86,282,645,003)	772,336,660,000	681,448,455,000	(90,888,205,000)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN.**7.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
- Công Ty Cổ Phần Đầu tư Điện Máy Xanh & Hệ thống các chi nhánh	1,096,487,057,945	774,511,088,750
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Chuyển giao Công nghệ ITC	462,999,783,330	-
- Công ty Cổ phần INTEKCOM	462,261,714,665	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	2,348,453,970,449	2,448,421,279,083
TỔNG CỘNG	4,370,202,526,389	3,222,932,367,833
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3,978,927,126)	(3,977,793,126)
GIÁ TRỊ THUẦN	4,366,223,599,263	3,218,954,574,707
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu bên khác	4,364,646,219,885	3,209,188,254,086
Phải thu bên liên quan (thuyết minh số 28)	5,556,306,504	13,744,113,747

7.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
- HP PPS SINGAPORE (SALES) PTE LTD	88,940,615,441	8,913,275,152
- CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ HUAWEI VIỆT NAM	92,985,199,269	85,397,336,694
- LEXAR CO., LIMITED	23,030,066,880	-
- Khác	38,665,918,523	53,381,665,400
TỔNG CỘNG	243,621,800,113	147,692,277,246

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu lãi trái phiếu dự thu, cho vay	8,109,527,511	7,011,423,646
Phải thu về cổ tức được chia	406,175,000	7,648,350,900
Tạm ứng cho nhân viên	2,372,627,494	5,266,253,879
Đặt cọc, ký quỹ	14,392,669,567	12,068,442,986
Phải thu về bán chứng khoán (*)	127,715,196,000	-
Phải thu khác	13,644,771,127	28,954,978,916
TỔNG CỘNG	166,640,966,699	60,949,450,327
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	10,089,546,101	14,571,452,668

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Phải thu về bán chứng khoán với số tiền 127,715,196,000 VND đang trong thời gian chờ tiền về, chi tiết như sau:

	Ngày thanh toán	VND Số cuối kỳ
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 02/04/2026	58,725,570,000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội	Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 02/04/2026	68,989,626,000
TỔNG CỘNG		127,715,196,000

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Hàng hóa	2,771,873,909,266	3,548,096,998,750
Hàng hóa đang đi đường	18,605,802,849	984,285,130,773
Hàng hóa ký gửi	22,023,256,597	14,102,522,664
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4,078,790,320	25,135,325,681
TỔNG CỘNG	2,816,581,759,032	4,571,619,977,868
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(135,402,260,128)	(135,402,260,128)
GIÁ TRỊ THUẦN	2,681,179,498,904	4,436,217,717,740

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Số đầu kỳ	127,641,898,183	127,641,898,183
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	201,539,484,204	201,539,484,204
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(193,779,122,259)	(193,779,122,259)
Số cuối kỳ	135,402,260,128	135,402,260,128

10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	12,686,984,540	18,569,654,507
Công cụ, dụng cụ	539,573,645	206,297,109
	13,226,558,185	18,775,951,616
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	3,935,352,982	4,152,025,101
Khác	12,631,827,956	13,956,328,702
	16,567,180,938	18,108,353,803

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-DN/HN

						VND
11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH						Tổng cộng
Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng		
Số đầu kỳ	41,968,230,735	6,703,161,702	63,265,431,964	5,674,467,089	117,611,291,490	
Mua sắm	-	46,368,977	32,000,000	1,263,848,432	1,342,217,409	
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(20,785,050,000)	-	-	-	(20,785,050,000)	
Số cuối kỳ	21,183,180,735	6,749,530,679	63,297,431,964	6,938,315,521	98,168,458,899	
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	(15,032,643,255)	(6,499,286,100)	(36,205,818,206)	(3,989,292,871)	(61,727,040,432)	
Khấu hao trong năm	(213,401,273)	(23,606,283)	(2,175,315,170)	(235,740,693)	(2,648,063,419)	
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	1,108,536,000	-	-	-	1,108,536,000	
Số cuối kỳ	(14,137,508,528)	(6,522,892,383)	(38,381,133,376)	(4,225,033,564)	(63,266,567,851)	
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	26,935,587,480	203,875,602	27,059,613,758	1,685,174,218	55,884,251,058	
Số cuối kỳ	7,045,672,207	226,638,296	24,916,298,588	2,713,281,957	34,901,891,048	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	31,734,485,248	57,382,176,180	89,116,661,428
Mua sắm	428,377,445	-	428,377,445
Số cuối kỳ	32,162,862,693	57,382,176,180	89,545,038,873
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(18,137,934,305)	-	(18,137,934,305)
Khấu hao trong kỳ	(1,193,144,299)	-	(1,193,144,299)
Số cuối kỳ	(19,331,078,604)	-	(19,331,078,604)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	13,596,550,943	57,382,176,180	70,978,727,123
Số cuối kỳ	12,831,784,089	57,382,176,180	70,213,960,269

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Vào đầu năm 2026, Công ty thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng một tài sản cố định hữu hình sang bất động sản đầu tư, chi tiết như sau:

	<i>Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026</i>		
	<i>Nguyên giá</i>	<i>Giá trị hao mòn</i>	<i>Giá trị còn lại</i>
Nhà và quyền sử dụng đất (NWH-WDL.BR-D.SV.135)	20,785,050,000	(1,108,536,000)	19,676,514,000
TỔNG CỘNG	20,785,050,000	(1,108,536,000)	19,676,514,000

Sau khi chuyển đổi, tài sản được theo dõi, không trích khấu hao và ghi nhận theo chính sách kế toán áp dụng đối với bất động sản đầu tư của Công ty.

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>C.L</i>	<i>Achison</i>	<i>B2X</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	5,752,799,715	274,466,587,343	30,022,649,952	310,242,037,010
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026	5,752,799,715	274,466,587,343	30,022,649,952	310,242,037,010
<i>Trong đó:</i>				
Giá trị phân bổ lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	(4,889,879,762)	(82,339,976,202)	(4,753,586,242)	(91,983,442,206)
Phân bổ trong kỳ	(143,819,993)	(6,861,664,684)	(750,566,249)	(7,756,050,926)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026	(5,033,699,755)	(89,201,640,886)	(5,504,152,491)	(99,739,493,132)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	862,919,953	192,126,611,141	25,269,063,710	218,258,594,804
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026	719,099,960	185,264,946,457	24,518,497,461	210,502,543,878

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty có các công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động kinh doanh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Phân phối dược phẩm	13,213,412,600	36.00	14,010,252,327	36.00

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá trị ghi sổ để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị trường do các khoản đầu tư này không có giá trị niêm yết trên thị trường.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

Giá gốc khoản đầu tư

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 03 năm 2026	9,879,000,000
---	---------------

Phần lãi lũy kế sau khi mua công ty liên kết:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	4,131,252,327
Phần lãi phát sinh trong kỳ	(796,839,727)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026	3,334,412,600

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	14,010,252,327
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026	13,213,412,600

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-DN/HN

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị còn lại VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị còn lại VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH Digiworld Venture	40,233,974,607	(17,420,213,524)	22,813,761,083	19	40,233,974,607	(17,420,213,524)	22,813,761,083	19

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác theo giá trị ghi sổ để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị thị trường do các khoản đầu tư này không có giá trị niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Asus Global Pte. Ltd	1,125,994,014,441	1,031,772,003,394
Công ty TNHH Xiaomi Việt Nam	514,408,904,017	733,816,199,624
Công ty TNHH Apple Việt Nam	302,892,225,755	708,594,364,805
Nhà cung cấp khác	606,312,349,464	1,050,228,618,379
TỔNG CỘNG	2,549,607,493,677	3,524,411,186,202

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
XIAOMI H.K LIMITED	185,631,693,639	70,554,215,438
CÔNG TY CP TƯ VẤN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ ITC	69,273,061,609	69,273,061,609
CÔNG TY CỔ PHẦN INTEKCOM	68,188,578,215	68,188,578,215
ARG DESIGN LLC	17,045,315,873	-
Khác	79,490,904,142	69,823,733,521
TỔNG CỘNG	419,629,553,478	277,839,588,783

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chiết khấu thương mại	163,955,988,364	244,879,791,178
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	315,293,903,218	169,082,429,533
Chi phí lãi vay	10,419,764,327	6,090,188,107
Khác	8,240,021,712	12,063,807,139
TỔNG CỘNG	497,909,677,621	432,116,215,957

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Bao thanh toán (*)	-	522,704,647,375
Chi trả hộ	2,030,461,722	30,304,028,483
Phải trả BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3,718,288,354	3,358,982,321
Nhận ký quỹ, ký cược	3,700,797,902	4,481,784,200
Phải trả khác	1,488,531,483	2,806,338,411
TỔNG CỘNG	10,938,079,461	563,655,780,790
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	3,090,000,000	4,533,629,427
TỔNG CỘNG	3,090,000,000	4,533,629,427

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-DN/HN

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

VND

Phải thu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	224,843,613	-	224,843,613
Thuế giá trị gia tăng	292,217,700,008	834,822,902,681	(934,497,406,219)	192,543,196,470
Thuế xuất, nhập khẩu	1,110,409,821	12,816,199,481	(12,684,252,032)	1,242,357,270
Thuế khác	16,736,806	498,297,629	(392,052,296)	122,982,139
Thuế thu nhập cá nhân	-	2,347,615	-	2,347,615
TỔNG CỘNG	293,344,846,635	848,364,591,019	(947,573,710,547)	194,135,727,107
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40,178,045,739	66,936,647,447	(45,157,596,939)	61,957,096,247
Thuế thu nhập cá nhân	853,901,348	4,663,069,206	(2,842,938,386)	2,674,032,168
Thuế GTGT phải nộp	669,805,735	930,943,940,802	(930,347,583,183)	1,266,163,354
Thuế khác	213,412,197	-	(145,555,556)	67,856,641
TỔNG CỘNG	41,915,165,019	1,002,543,657,455	(978,493,674,064)	65,965,148,410

20. VAY NGẮN HẠN	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND
Vay ngân hàng	2,899,171,034,481	3,961,813,249,791	(4,146,634,327,124)	2,714,349,957,148
Vay từ tổ chức khác	-	294,755,546,690	(219,143,973,178)	75,611,573,512
	2,899,171,034,481	4,256,568,796,481	(4,365,778,300,302)	2,789,961,530,660

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên Tổ chức tín dụng	Số cuối kỳ VND	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	826,384,915,635	Từ ngày 14/05/2026 đến 28/05/2026	6.60%	Không có tài sản đảm bảo
2. Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - CN TP.HCM	716,777,036,651	Từ ngày 21/04/2026 đến 01/06/2026	6.45%	Không có tài sản đảm bảo
3. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	729,841,073,360	Từ ngày 13/04/2026 đến 11/06/2026	Từ 6.1% đến 6.7%	Không có tài sản đảm bảo
4. Các Ngân hàng khác	441,346,931,502	Từ 14/04/2026 đến 30/05/2026	Từ 6.3% đến 6.4%	Không có tài sản đảm bảo
5. Các tổ chức khác	75,611,573,512	Từ 05/06/2026 đến 17/07/2026	Từ 9.0% đến 9.2%	Đảm bảo bằng các khoản được mua từ vốn vay
TỔNG CỘNG	2,789,961,530,660			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-DN/HN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	VND
							Tổng cộng
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2,193,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	730,349,063,488	33,066,026,670	3,011,977,604,408
Điều chỉnh lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	(4,884,641,347)	4,905,806,227	21,164,880
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	105,923,271,254	466,607,770	106,389,879,024
Thay đổi từ nhượng bán công ty con	-	-	-	-	-	(2,227,327,535)	(2,227,327,535)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025	2,193,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	831,387,693,395	36,211,113,132	3,116,161,320,777
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	2,213,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	1,163,969,413,742	39,937,786,103	3,472,469,714,095
Điều chỉnh kỳ trước	-	-	-	-	(444,232,992)	444,232,992	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	200,217,309,339	1,666,227,548	201,883,536,887
Thay đổi lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	711,528,035	(711,528,035)	-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026	2,213,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	1,364,454,018,124	41,336,718,608	3,674,353,250,982

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	2,213,201,690,000	2,193,201,690,000
Số cuối kỳ	2,213,201,690,000	2,193,201,690,000

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	221,320,169	221,320,169
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	221,320,169	221,320,169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	221,320,169	221,320,169
Cổ phiếu quỹ	(151,469)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151,469)	(151,469)
Cổ phiếu đang lưu hành	221,168,700	221,168,700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	221,168,700	221,168,700

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

22. DOANH THU**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Tổng doanh thu:	8,613,230,691,036	5,574,849,606,573
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	8,006,435,122,927	5,478,735,106,048
Doanh thu cung cấp dịch vụ	606,795,568,109	96,114,500,525
Các khoản giảm trừ doanh thu		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(86,938,684,161)	(51,270,129,277)
<i>Hàng bán bị trả lại.</i>	(26,109,532,030)	(4,262,775,933)
DOANH THU THUẦN	8,500,182,474,845	5,519,316,701,363
Trong đó:		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	8,487,204,163,749	5,485,922,292,735
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 29)</i>	12,978,311,096	33,394,408,628

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	2,594,660,639	4,341,735,213
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7,405,517,675	23,276,117,140
Chiết khấu thanh toán được hưởng	26,465,635,962	14,302,165,957
Lãi trái phiếu	19,023,543,231	9,276,656,883
Lãi giao dịch chứng khoán kinh doanh	17,364,278,666	-
Cổ tức được chia bằng tiền	956,175,000	-
Khác	70,908,360	118,331,242
TỔNG CỘNG	73,880,719,533	51,315,006,435

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7,873,275,180,948	5,344,481,005,836
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	78,776,083,002	66,805,807,791
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(255,278,662,116)	(372,695,585,487)
TỔNG CỘNG	7,696,772,601,834	5,038,591,228,140

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí đi vay	49,909,623,855	27,424,302,462
Lỗ từ giao dịch chứng khoán	30,042,956,401	255,962,407
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7,401,380,886	50,739,245
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá chứng khoán	(4,605,559,997)	-
Chi phí tài chính khác	328,897,008	76,591,326,918
TỔNG CỘNG	83,077,298,153	104,322,331,032

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí bán hàng	493,568,022,163	236,797,923,707
Chi phí nhân viên	19,882,281,870	20,675,684,432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21,207,256,423	34,959,442,066
Chi phí vận chuyển	20,263,326,180	-
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	429,638,962,820	176,772,948,449
Chi phí khác	2,576,194,870	4,389,848,760

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp	53,857,199,144	55,341,692,076
Chi phí nhân viên	25,366,483,755	20,507,261,518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,739,352,056	28,661,834,244
Chi phí khác	18,751,363,333	6,172,596,314
TỔNG CỘNG	547,425,221,307	292,139,615,783

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	12,549,771,579	3,257,557,723
Các khoản được hỗ trợ, tài trợ, biếu, tặng,...	6,785,186,780	71,775,552
Thu nhập từ bồi thường, phạt hợp đồng	3,861,184,338	134,193,812
Khác	1,903,400,461	3,051,588,359
Chi phí khác	1,799,424,368	1,815,705,726
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	1,695,946,351	1,695,946,351
Các khoản bị phạt	15,206,068	-
Các khoản chi phí khác	88,271,949	119,759,375
LỢI NHUẬN KHÁC	10,750,347,211	1,441,851,997

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí mua hàng và dịch vụ	7,696,772,601,834	5,038,591,228,140
Chi phí nhân công	45,248,765,625	41,182,945,950
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) (thuyết minh số)	11,597,258,644	8,653,606,469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51,209,934,659	63,621,276,310
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	429,638,962,820	176,772,948,449
Chi phí khác	9,730,299,559	1,908,838,605
TỔNG CỘNG	8,244,197,823,141	5,330,730,843,923

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	66,936,647,447	(2,284,128,766)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(12,078,603,766)	33,000,291,901
TỔNG CỘNG	54,858,043,681	30,716,163,135

28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	256,741,580,568	137,106,042,159
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	51,348,316,114.00	27,421,208,432
Các khoản điều chỉnh:		
Lỗi thuế trong kỳ của các công ty con chưa ghi nhận thuế hoãn lại	1,805,125,295	1,197,245,161
Thu nhập thuộc diện nộp thuế TNDN đã ghi nhận kỳ trước	(1,154,505,829)	(245,620,234)
Phân bổ lợi thế thương mại	1,401,096,935	2,082,120,992
Chi phí không được khấu trừ thuế	1,126,990,920	414,164,032
Dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con	-	820,226,516
Lợi nhuận từ công ty liên kết	309,481,195	17,131,464
Thu nhập không chịu thuế	(191,235,000)	-
Điều chỉnh khác	212,774,051	(990,313,228)
Chi phí thuế TNDN	54,858,043,681	30,716,163,135

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Sau đây là các tài sản thuế thu nhập hoãn lại được Nhóm Công ty ghi nhận và biến động trong đó, trong kỳ hiện tại và các kỳ trước:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả	99,522,264,095	86,522,548,330
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	27,080,452,025	27,080,452,025
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	17,256,529,001	18,177,641,000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	143,859,245,121	131,780,641,355

Báo cáo kết quả
hoạt động kinh doanh hợp nhất

VND

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí phải trả	12,999,715,765	(33,000,291,901)
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá chứng khoán	(921,111,999)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	12,078,603,766	(33,000,291,901)

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên HĐQT/Trưởng ban KTNB trực thuộc HĐQT
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên HĐQT/Thành viên ban KTNB trực thuộc HĐQT
Bà Tô Tiểu Yến	Chị của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Created Future	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DHV	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV TOHT	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Na
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Bán hàng hóa	12,934,002,066	32,642,227,683
	Cung cấp dịch vụ	44,309,030	752,180,945
Bà Tô Tiểu Yến	Thuê nhà	90,000,000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Bán hàng hóa, dịch vụ	5,556,306,504	13,744,113,747

Thủ lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị như sau:

VND

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	73,178,000	45,036,000
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	70,750,500	45,849,000
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	66,574,500	43,158,000
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	30,000,000	30,000,000
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	30,000,000	30,000,000
		270,503,000	194,043,000

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Na

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	200,217,309,339	105,923,271,254
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân dùng để tính lãi trên cổ phiếu	221,168,700	219,661,851
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	905	482

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dưới 1 năm	61,063,361,106	64,341,232,560
Từ 1 đến 5 năm	77,983,039,909	87,782,148,187
Trên 5 năm	-	11,000,000
TỔNG CỘNG	139,046,401,015	152,134,380,747

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2026



Trần Quốc Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hàn
Kế toán trưởng




Đặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc